

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HS-PT
Ngày 20- 4 -2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Tố Giang.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tâm và ông Lê Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa:

Ông Lâm Trí Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Thành Phương – Kiểm sát viên;

Ngày 20 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 36/2020/TLPT-HS ngày 26 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo A do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C.

- *Bị cáo có kháng cáo:* A, sinh ngày 09 tháng 01 năm 1999; nơi sinh: huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp Thị 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông P, sinh năm 1968 và bà I, sinh năm 1963; vợ K, sinh năm 1996 (không đăng ký kết hôn); có một con sinh năm 2019;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: từ nhỏ đến lớn sinh sống với cha mẹ, đi học hết lớp 8 thì nghỉ. Ngày 05/10/2017, bị Ủy ban nhân dân thị trấn C đưa đi cơ sở cai nghiện cắt cơn giải độc, đến ngày 11/10/2017 được cho về. Ngày 13/11/2017, bị Ủy ban nhân dân thị trấn C quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn, thời hạn 03 tháng, kể từ ngày 13/11/2017 đến 13/02/2018 chấp hành xong. Ngày 19/9/2019, bị Ủy ban nhân dân thị trấn C quyết định bàn giao cho Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh quản lý trong thời gian làm thủ tục đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt

buộc. Ngày 10/10/2019, bị cáo bị Cơ quan điều tra - Công an huyện C bắt tạm giam về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” đến nay.

- *Người bị hại:* Chị B, sinh năm 1998; Nơi cư trú: ấp H, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông C, sinh năm 1989; Nơi cư trú: ấp Thị 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Ông D, sinh năm 1994; Nơi cư trú: ấp P 1, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Ông Đ, sinh năm 1969; Nơi cư trú: ấp P 1, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

4. Ông E, sinh năm 1969; Nơi cư trú: ấp P 1, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

5. Bà G, sinh năm 1966; Nơi cư trú: ấp P 1, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

6. Ông H (Tam Mao), sinh năm 1995; Nơi cư trú: ấp H 1, xã L A, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Bà I, sinh năm 1963; Nơi cư trú: ấp Thị 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bà K, sinh năm 1996; Nơi cư trú: ấp Q 1, xã L B, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Bà L, sinh năm 1966; Nơi cư trú: ấp H 1, xã L A, huyện C, tỉnh An Giang.

4. Ông M, sinh năm 1986; Nơi cư trú: ấp O 2, xã L B, huyện C, tỉnh An Giang.

5. Bà N, sinh năm 1986; Nơi cư trú: ấp O 2, xã L B, huyện C, tỉnh An Giang.

6. Ông O, sinh năm 1998; Nơi cư trú: ấp N, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa. Bà I có mặt tại phiên tòa.

(Trong vụ án, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết, nên khoảng 13 giờ ngày 07/01/2019 A đến nhà chị B thuộc ấp Thị 2, thị trấn C, hỏi mượn xe mô tô hiệu AIRBLADE biển số 67L1-448.55 nói để đi công việc riêng và hứa sẽ trả trong ngày, B tin tưởng đồng ý cho mượn, giao xe và giấy chứng nhận đăng ký xe 67L1-448.55 cho A. Sau khi mượn được xe, A không trả mà nảy sinh ý định chiếm đoạt, A đem xe đến tiệm cầm đồ “D” ở ấp P 1, xã K cầm cho D số tiền 11.000.000 đồng. Sau đó khoảng 8 ngày, A 02 lần đến tiệm cầm đồ “D” gặp D cầm thêm 10.000.000 đồng (01 lần 4.000.000 và 01 lần 6.000.000 đồng) và sau đó một ngày A gặp D kêu bán xe mô tô trên. D điện thoại cho E, đồng ý mua xe của A bán giá 24.000.000 đồng. A nhận đủ tiền từ E, trả tiền chuộc xe cho D 21.300.000 đồng (03 lần thỏa thuận cầm xe 21.000.000 đồng, tiền lãi 300.000 đồng). Sau đó, E bán 67L1-448.55 cho một người tên Q (không rõ họ, địa chỉ) giá 24.300.000 đồng.

Ngoài ra, khoảng 22 giờ ngày 06/4/2019, A đến nhà C (anh em cô cậu với A) ở ấp Thị 1, thị trấn C, hỏi mượn xe mô tô biển số 67AL-107.84 nói đi công việc riêng, thì C đồng ý giao xe. Sau đó, A nảy sinh ý định chiếm đoạt nên không trả mà đem cầm cho H 1.000.000 đồng, qua ngày sau A bán xe mô tô trên cho H 2.000.000 đồng.

B và C phát hiện xe cho A mượn đã bị cầm, bán cho người khác, nên trình báo công an.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô 67AL-107.84, hiện đã trao trả cho C; thu giữ 600.000 đồng của D và E hưởng lợi từ việc cầm, mua bán xe mô tô 67L1-448.55, giao nộp.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 26/KL/HĐĐG ngày 27/4/2019 và 27/KL/HĐĐG ngày 09/5/2019, của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh An Giang:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu XIONGSHI, màu sơn xám, biển số 67AL-107.84 số máy 39FMB3000028, số khung G013DG00028, đã qua sử dụng, trị giá 3.500.000 đồng.

- 01 xe mô tô biển số 67L- 448.55 nhãn hiệu HONDA, số loại AIRBLADE màu sơn vàng đen, số máy JF46E-5081502, số khung RLHJF4617EY381459, đã qua sử dụng, trị giá 33.600.000 đồng.

Ngày 09/10/2019, cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện C, khởi tố bắt tạm giam A để điều tra xử lý.

Tại cáo trạng số 45/CT-VKS ngày 28/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố đối với A về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 16-01-2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo A phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

- Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 10.10.2019.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo A có trách nhiệm bồi thường cho bị hại B số tiền 33.600.000 đồng (ba mươi ba triệu, sáu trăm nghìn) đồng.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 600.000 đồng từ việc nhận cầm, mua bán xe của Đ và E (Hiện Cơ quan Công an huyện C đang quản lý theo 02 giấy nộp tiền mặt tại Kho bạc Nhà nước C ngày 21/10/2019 và ngày 18/11/2019).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/01/2020 bị cáo A có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do đã tác động gia đình thực hiện bồi thường thiệt hại số tiền 33.600.000 đồng cho bị hại, bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đồng thời xin xem xét hoàn cảnh là bị cáo là con duy nhất, cha mẹ đang bị bệnh, vợ vừa sinh con vào tháng 7 năm 2019.

Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: đơn kháng cáo của bị cáo A có nội dung rõ ràng, kháng cáo trong hạn luật định, nên có cơ sở xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo: tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với nội dung lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, vật chứng khác. Bị cáo đã có hành vi gian dối, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản trị giá 33.600.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo hành vi phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ

luật Hình sự là có căn cứ. Cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để tuyên phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã có tác động gia đình nộp số tiền bồi thường 33.600.000 đồng cho bị hại và bị hại đã có đơn bãi nại. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Phiên tòa sơ thẩm xét xử và tuyên án vào ngày 16/01/2020. Ngày 30/01/2020, bị cáo A kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo kháng cáo trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo A đã lạm dụng sự tín nhiệm của bị hại, dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản là 01 xe mô tô biển số 67L- 448.55 nhãn hiệu HONDA, số loại AIRBLADE màu sơn vàng đen, số máy JF46E-5081502, số khung RLHJF4617EY381459, đã qua sử dụng, trị giá 33.600.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, bị hại và những tài liệu, vật chứng của vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C xét xử bị cáo A phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét, cân nhắc, tuyên phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo đã tác động gia đình, sau khi xét xử sơ thẩm đã bồi thường thiệt hại số tiền 33.600.000 đồng cho bị hại và bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C như đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận, sửa bản án hình sự sơ thẩm nên căn cứ điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357; điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo A, sửa Bản án sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Tuyên bố: Bị cáo A phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo A 01 (một) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam ngày 10/10/2019.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND huyện C (2);
- VKSND huyện C (1);
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C (1);
- Cơ quan điều tra Công an huyện C (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện C (1);
- Trại tạm giam (1);
- Bị cáo (1);
- Đường sự (1);
- Tòa Hình sự (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- PV 10 (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Văn phòng (2);
- Lưu.

Quách Tố Giang